

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 127/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1974

Bị đơn: Chị Vũ Hiền T1, sinh năm: 1977

Cùng đăng ký HKTT: Căn hộ R5.1012A, R, G N, phường T, thành phố Hà Nội.

Hiện cùng đang tạm trú tại: Căn hộ A, chung cư S, E, xã P, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (con chung của anh T và chị T1):

- Cháu Nguyễn Trúc V, sinh ngày: 29/3/2008

- Cháu Nguyễn Minh V1, sinh ngày 01/7/2013

Người đại diện theo pháp luật cho V1: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1974.

Cùng đăng ký HKTT: Căn hộ R5.1012A, R, G N, phường T, thành phố Hà Nội.

Hiện cùng đang tạm trú tại: Căn hộ A, chung cư S, E, xã P, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Minh T và chị Vũ Hiền T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T và chị Vũ Hiền T1 đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Minh T và chị Vũ Hiền T1 đều xác nhận anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Trúc V, sinh ngày 29/3/2008 và cháu Nguyễn Minh V1, sinh ngày 01/7/2013.

Đối với Nguyễn Trúc V đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh T và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Minh V1: Anh T2 và chị T1 thỏa thuận thống nhất để chị T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T2 và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, công nợ: Anh Nguyễn Văn T3 và chị Vũ Hiền T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Anh Nguyễn Minh T và chị Vũ Hiền T1 đều xác nhận anh, chị không có gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Minh T và chị Vũ Hiền T1 thống nhất thỏa thuận để anh T nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000615 ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh T đã nộp đủ án phí. Trả lại anh T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên
- THADS tỉnh Hưng Yên
- UBND phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.
(ĐK kết hôn ngày 14/9/2005 tại UBND phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội (cũ))
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thoa

